



**BSC WEEKLY REVIEW**  
**Tuần 14 (03/04-07/04/23)**

*SBV hạ lãi suất điều hành*

# NỘI DUNG

**1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI:** *Xu hướng tăng điểm duy trì khi lãi suất tiếp tục giảm*

**2. CHUYÊN MỤC TUẦN:** *SBV hạ lãi suất điều hành*

**3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ**

**4. PTKT VN-INDEX:** *Chỉ số vượt khỏi kênh giá giảm, đà tăng duy trì trong tuần tới trước áp lực chốt lãi*

**5. TIN VĨ MÔ:** *Việt Nam: GDP quý 1/2023 +3.32% YoY*

**6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG:** *Viễn thông +5.49%*

**7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG**

# CHIẾN THUẬT TUẦN: Xu hướng tăng điểm duy trì khi lãi suất tiếp tục giảm

	Điểm số	Thay đổi (%)
<b>VN-INDEX</b>	<b>1064.64</b>	<b>1.71%</b>
GTGD/phiên (tỷ VND)	9,084.10	25.37%
Khối ngoại (tỷ VND)	385.04	
<b>HNX-INDEX</b>	<b>207.50</b>	<b>0.87%</b>
GTGD/phiên (tỷ VND)	918.96	27.44%
Khối ngoại (tỷ VND)	40.88	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4109.31	1.44%	3.48%	1.57%
EU (EURO STOXX)	4315.05	0.69%	4.46%	0.47%
China (SHCOMP)	3272.86	0.36%	0.22%	-1.67%
Japan (NIKKEI)	28041.48	0.93%	2.40%	1.97%
Korea (KOSPI)	2476.86	0.97%	2.56%	1.84%
Singapore (STI)	3258.90	0.05%	1.44%	0.83%
Thailand (SET)	1609.17	0.23%	1.09%	-0.22%
Phillipines (PCOMP)	6499.68	-2.18%	-1.55%	-2.34%
Malaysia (KLCI)	1422.59	-0.14%	1.64%	-2.13%
Indonesia (JCI)	6805.28	-0.05%	0.64%	-0.58%
Vietnam (VNIndex)	1064.64	0.49%	1.71%	3.89%

HĐTŁ	Điểm số	± Basis	GTGD* / phiên	HĐM^ / phiên
VN30F2304	1066.00	-0.72%	30,347	63,802
VN30F2305	1062.50	-1.04%	87	1,689
VN30F2306	1062.40	-1.05%	6	1,024
VN30F2309	1059.60	-1.31%	4	213

## TTCK VIỆT NAM

### Dòng tiền có dấu hiệu tìm đến các ngành rủi ro hơn khi lãi suất thị trường giảm

VN-Index ghi nhận tuần tăng điểm thứ 2 liên tiếp với mức tăng 1.7%, thanh khoản tăng 17% so tuần trước. Thị trường ghi nhận 12/19 ngành và 53% số cổ phiếu tăng điểm. Dòng tiền chuyển dịch từ các lĩnh vực an toàn sang lĩnh vực rủi ro hơn nhờ kỳ vọng lãi suất tiếp tục giảm sau động thái giảm lãi suất điều hành của NHNN ngày 15/3. Một số ngành nhạy cảm với lãi suất giảm như Dịch vụ tài chính, bất động sản và ngân hàng dẫn đầu đà tăng lần lượt 4.6%, 3.1% và 2.3%. Chiều ngược lại, Y tế, thực phẩm và đồ uống, ô tô và phụ tùng giảm từ 0.8% - 1%. Sự dịch chuyển dòng tiền đã giúp VN-Index tăng tốt bất chấp thông tin kém tích cực từ tăng trưởng GDP, KQKD dự kiến quý I và khối ngoại bán ròng. Diễn biến lãi suất và chính sách tiền tệ tiếp tục là bệ đỡ cho TTCK trong tuần tới trước áp lực chốt lãi và NĐT có thể chờ canh mua trong những phiên rung lắc cho một xu hướng tăng điểm mới đang hình thành.

GDP quý I tăng 3.32%, thấp thứ 2 và chỉ hơn quý I/2020 giai đoạn 20211-2023. Khu vực công nghiệp và xây dựng (chiếm 35.4% GDP) giảm 0.4%, làm giảm 0.28% tăng trưởng GDP và ảnh hưởng mạnh đến GDP quý I/2023. Trong quý I, khu vực dịch vụ hồi phục sau dịch tăng 6.79%, góp 95.9% tăng trưởng GDP. Sản xuất công nghiệp giảm 0.8%yoy; số DN rút lui khỏi thị trường tăng 17.4%yoy; Tổng mức bán lẻ HH và DVTD tăng 13.9%yoy; khách quốc tế đạt gần 2.7 triệu, gấp 29.7 lần cùng kỳ; Vốn ĐT toàn xã hội tăng 3.7%yoy tuy nhiên vốn FDI giảm 19.3% yoy; xuất khẩu và nhập khẩu giảm lần lượt 11.9% và 14.7%yoy; xuất siêu 4.07 tỷ USD; CPI tăng 4.18% yoy, lạm phát cơ bản tăng 5.01%; thặng dư NS đạt 128 nghìn tỷ. Kinh tế thế giới tăng trưởng chậm đang ảnh hưởng đến Việt Nam qua số liệu lĩnh vực chế biến, chế tạo và hoạt động XNK. Kinh tế vĩ mô dù vậy vẫn ổn định tạo điều kiện cho NHNN giảm lãi suất điều hành. Tuy nhiên lạm phát cơ bản giữ ở mức cao là vấn đề cần cân nhắc khi thực thi chính sách nới lỏng tiền tệ hỗ trợ kinh tế.

## TTCK THẾ GIỚI

### Các TTCK hồi phục mạnh khi rủi ro thị trường tài chính lắng xuống

Các chỉ số CK Hoa Kỳ tuần qua tăng bình quân gần 2% khi chỉ số đo lường trạng thái biến động CBOE (VIX) giảm mạnh về mức 19 so với 30 giữa tháng 3 và số lượng thất nghiệp Hoa Kỳ tăng cho thấy tín hiệu thị trường lao động hạ nhiệt. Diễn biến tăng điểm cũng ghi nhận tại các thị trường Châu Âu với mức tăng trên 3% của các bộ chỉ số EU100 và EU600. TTCK khu vực Châu Á tăng tốt từ 1-2%, ngoại trừ TTCK Philippines giảm 1.5%. Cùng chiều với TTCK, chỉ số hàng hóa CRB tăng 2.6%, trong đó dẫn đầu là mức tăng 6.7% của dầu thô. Giá quặng sắt cũng tăng trên 3% nhưng ngược lại giá thép HRC giảm mạnh 7%. DXY tiếp tục chuỗi giảm điểm thứ 3 với mức giảm -0.7% trong tuần. USD giảm giá hầu hết với các đồng tiền chủ chốt và giảm 0.16% so với VND. TTCK và TT hàng hóa đang hồi phục với kỳ vọng FED giảm tốc độ thắt chặt tiền tệ.

Theo khảo sát Hiệp hội kinh tế kinh doanh quốc gia Hoa Kỳ (NABE), hơn một nửa dự đoán suy thoái xảy ra trong năm 2023. Dù vậy chỉ còn 5% cho rằng Hoa Kỳ đang trong thời kỳ suy thoái, thấp hơn tỷ lệ 19% của cuộc khảo sát 8/2022. 70% người được hỏi dự đoán CPI duy trì trên 4% cuối năm 2023. Kết quả khảo sát đang thấy dự báo Hoa Kỳ sẽ rơi vào suy thoái cũng như đối mặt với lạm phát cao trong năm 2023. Trước đó báo cáo 27/3, WB cũng cảnh báo tăng trưởng trung bình toàn cầu có thể giảm mức thấp nhất ba thập kỷ ở mức 2.2%/năm (2000-2010 tăng 3.5%, 2011 – 2021 2.6%) nếu các Chính phủ không có chính sách táo bạo thúc đẩy nguồn cung lao động, năng suất và đầu tư. Suy yếu có thể nghiêm trọng hơn nếu một cuộc khủng hoảng toàn cầu khác nổ ra. Những lo ngại về tăng trưởng và tiềm năng tăng trưởng Hoa Kỳ và thế giới đang quay trở lại.

**Chú thích:** \* tỷ VND  
^ hợp đồng

# CHUYÊN MỤC TUẦN: SBV hạ lãi suất điều hành

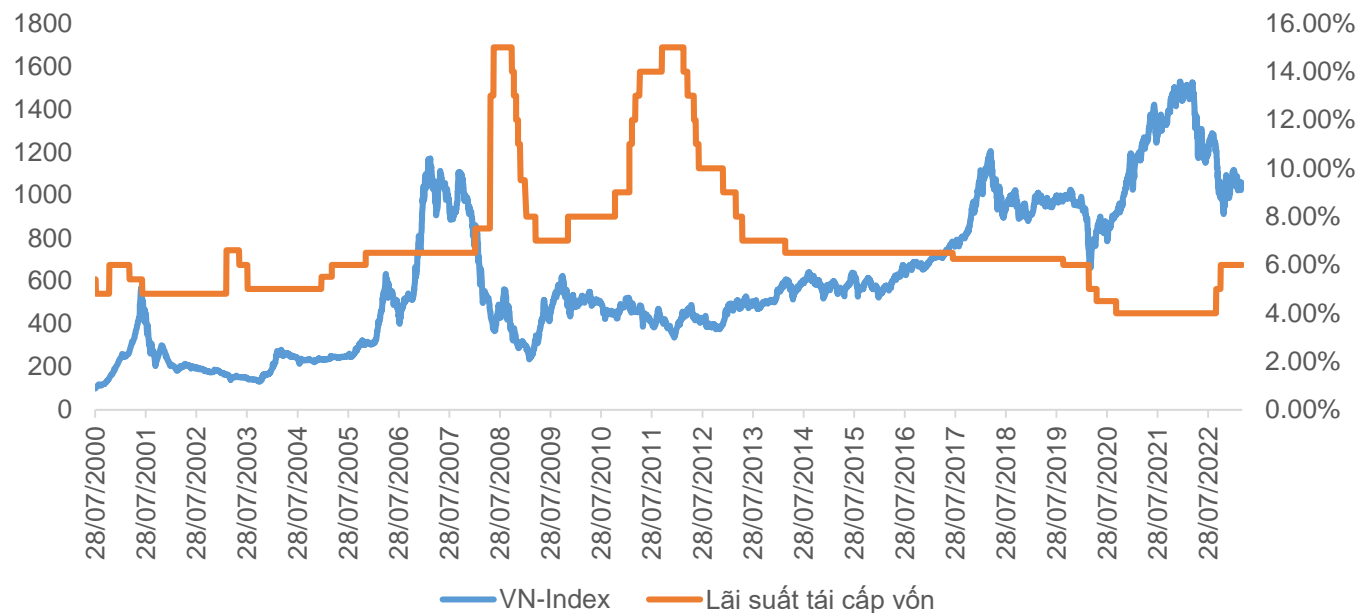
Kể từ năm 2000 đến nay, SBV đã có 29 lần hạ lãi suất điều hành.

Trong ngày 31/03/2023, SBV đã cùng lúc ban hành 5 quyết định giảm lãi suất, trong đó có Quyết định số 574/QĐ-NHNN về việc hạ lãi suất tái cấp vốn 0.5% từ mức 6% xuống 5.5%. Quyết định này được đưa ra sau 2 tuần kể từ quyết định hạ lãi suất tái chiết khấu 1% (chi tiết trong Báo cáo tuần 12). Đây là những nỗ lực đáng ghi nhận của SBV trong bối cảnh tăng trưởng GDP trong năm nay sẽ gặp thách thức không nhỏ bên cạnh bối cảnh thế giới vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro khó lường.

## 1. Phản ứng của thị trường chứng khoán đối với các lần SBV hạ lãi suất điều hành (LSDH)

LSDH và VN-Index thường có xu hướng ngược nhau. Khi SBV hạ lãi suất điều hành, TTCK Việt Nam có xu hướng đi lên sau đó và ngược lại.

Đồ thị 01: Diễn biến LSDH và VN-Index



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Trong những lần SBV tuyên bố hạ lãi suất điều hành, VN-Index thường sẽ có phản ứng tích cực trong ngắn hạn, tăng trung bình 0.46% trong phiên hôm sau (Bảng 01).

Bảng 01: Phản ứng của VN-Index khi SBV công bố hạ LSDH

Ngày	-1D	t	1D	1W	1M
31/07/2000	-1.53%	0%	1.80%	5.29%	15.21%
29/03/2001	0.00%	0%	1.74%	7.55%	21.30%
29/06/2001	6.33%	0%	-1.82%	0.53%	-10.98%
29/05/2003	0.28%	0%	-0.05%	-0.41%	-0.29%
30/05/2003	0.05%	0%	-0.38%	-0.28%	-0.16%
30/07/2003	0.51%	0%	-0.65%	-3.13%	-3.12%
20/10/2008	3.16%	0%	2.46%	-11.20%	-6.94%
03/11/2008	-0.46%	0%	3.67%	4.98%	-9.73%
20/11/2008	3.42%	0%	-2.08%	-6.82%	-6.20%
03/12/2008	0.40%	0%	0.78%	-6.33%	3.07%
19/12/2008	-0.55%	0%	0.91%	-0.91%	-0.37%
23/01/2009	-0.69%	0%	-1.88%	-7.12%	-18.95%
10/04/2009	-4.10%	0%	4.60%	2.80%	12.67%
12/03/2012	0.96%	0%	0.32%	2.35%	5.31%
10/04/2012	-0.03%	0%	1.75%	4.88%	8.26%
25/05/2012	-2.39%	0%	-0.43%	-1.96%	-2.33%
08/06/2012	0.35%	0%	-0.09%	0.04%	-4.03%
29/06/2012	-1.00%	0%	-0.73%	-1.64%	-2.18%
21/12/2012	0.73%	0%	0.74%	4.27%	14.46%
25/03/2013	-0.73%	0%	-0.83%	2.48%	-5.09%
10/05/2013	0.02%	0%	0.58%	0.31%	8.61%
17/03/2014	-0.59%	0%	-0.08%	1.20%	-0.71%
07/07/2017	0.89%	0%	-1.18%	0.24%	1.67%
12/09/2019	-0.69%	0%	1.14%	2.15%	1.16%
16/03/2020	1.86%	0%	-0.28%	-10.87%	2.40%
12/05/2020	-0.84%	0%	-0.13%	1.27%	7.67%
30/09/2020	-0.14%	0%	0.98%	1.60%	1.75%
14/03/2023	1.22%	0%	2.12%	-0.74%	
<b>Trung bình</b>	<b>0.23%</b>	<b>0.00%</b>	<b>0.46%</b>	<b>-0.34%</b>	<b>1.20%</b>

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

# CHUYÊN MỤC TUẦN: SBV hạ lãi suất điều hành

**Bảng 2: Diễn biến các ngành trong lần hạ lãi suất tái chiết khấu 1% ngày 14/03/2023**

	t	1D	1W	
	13/03/2023	14/03/2023	15/03/2023	21/03/2023
Y tế	0.57%	0.00%	0.28%	-0.58%
Dầu khí	2.83%	0.00%	2.11%	-5.41%
Bán lẻ	1.97%	0.00%	2.19%	-0.63%
Bảo hiểm	1.17%	0.00%	0.43%	0.20%
Bất động sản	0.99%	0.00%	2.07%	0.89%
Du lịch và giải trí	-0.76%	0.00%	2.44%	0.60%
Truyền thông	0.07%	0.00%	0.23%	-0.07%
Xây dựng và Vật liệu	1.55%	0.00%	1.95%	-0.37%
Viễn thông	0.98%	0.00%	1.64%	-0.65%
Thực phẩm và đồ uống	0.41%	0.00%	0.80%	-2.43%
Tài nguyên cơ bản	2.92%	0.00%	3.62%	0.49%
Ngân hàng	1.25%	0.00%	2.20%	-1.06%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.65%	0.00%	1.00%	0.17%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.58%	0.00%	1.10%	-0.82%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.21%	0.00%	0.31%	-1.52%
Dịch vụ tài chính	2.35%	0.00%	5.56%	3.11%
Công nghệ Thông tin	0.51%	0.00%	2.36%	-0.31%
Hóa chất	2.56%	0.00%	3.16%	0.11%
Ô tô và phụ tùng	1.61%	0.00%	1.60%	1.47%
<b>Trung bình</b>	<b>1.18%</b>	<b>0.00%</b>	<b>1.85%</b>	<b>-0.36%</b>

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

**Bảng 3: Diễn biến các ngành trong lần hạ LSDH 1% ngày 30/09/2020**

	t	1D	1W	1M	
	29/09/2020	30/09/2020	01/10/2020	07/10/2020	28/10/2020
Y tế	-0.55%	0.00%	0.10%	-0.19%	-1.84%
Dầu khí	0.80%	0.00%	0.98%	0.09%	-5.24%
Bán lẻ	-0.54%	0.00%	0.59%	2.91%	1.03%
Bảo hiểm	-0.86%	0.00%	0.58%	2.06%	2.03%
Bất động sản	-0.21%	0.00%	1.18%	1.53%	2.95%
Du lịch và giải trí	-0.19%	0.00%	1.18%	0.00%	-3.25%
Truyền thông	0.59%	0.00%	-0.56%	-0.69%	-7.61%
Xây dựng và Vật liệu	-1.45%	0.00%	0.51%	0.63%	-2.59%
Viễn thông	-1.19%	0.00%	2.85%	1.49%	0.36%
Thực phẩm và đồ uống	0.13%	0.00%	0.50%	2.43%	4.49%
Tài nguyên cơ bản	-0.47%	0.00%	1.37%	3.75%	9.36%
Ngân hàng	-0.05%	0.00%	0.83%	1.19%	0.78%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.43%	0.00%	1.36%	0.14%	-2.86%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.63%	0.00%	0.81%	2.10%	2.65%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.03%	0.00%	0.94%	2.80%	-0.22%
Dịch vụ tài chính	-0.58%	0.00%	3.43%	5.79%	1.93%
Công nghệ Thông tin	0.31%	0.00%	1.28%	0.68%	0.02%
Hóa chất	-1.29%	0.00%	-0.11%	1.10%	2.80%
Ô tô và phụ tùng	-1.23%	0.00%	0.00%	0.48%	-6.09%
<b>Trung bình</b>	<b>-0.36%</b>	<b>0.00%</b>	<b>0.94%</b>	<b>1.49%</b>	<b>-0.07%</b>

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

**Bảng 04: Diễn biến các ngành trong lần hạ LSDH 1% ngày 12/05/2020**

	-1D	t	1D	1W	1M	
	11/05/2020	12/05/2020	13/05/2020	19/05/2020	09/06/2020	
Y tế	-0.32%	0.00%	-0.24%	-0.78%	2.72%	
Dầu khí	-1.88%	0.00%	0.64%	3.17%	9.48%	
Bán lẻ	1.58%	0.00%	0.82%	4.14%	7.36%	
Bảo hiểm	-2.26%	0.00%	0.64%	-1.33%	3.41%	
Bất động sản	0.27%	0.00%	-1.74%	-0.29%	4.44%	
Du lịch và giải trí	0.18%	0.00%	0.36%	-0.76%	4.10%	
Truyền thông	-0.25%	0.00%	-0.90%	-3.51%	13.46%	
Xây dựng và Vật liệu	-0.86%	0.00%	0.49%	0.52%	5.51%	
Viễn thông	-1.06%	0.00%	0.22%	2.84%	11.54%	
Thực phẩm và đồ uống	-1.62%	0.00%	-0.19%	-0.09%	7.66%	
Tài nguyên cơ bản	0.75%	0.00%	1.42%	6.19%	9.58%	
Ngân hàng	-1.00%	0.00%	0.83%	2.61%	12.14%	
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.64%	0.00%	0.77%	1.83%	10.65%	
Hàng cá nhân & Gia dụng	-3.51%	0.00%	0.77%	-0.92%	1.11%	
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.65%	0.00%	-0.37%	0.04%	4.07%	
Dịch vụ tài chính	-1.14%	0.00%	-0.35%	2.38%	11.58%	
Công nghệ Thông tin	-0.64%	0.00%	4.98%	4.78%	5.47%	
Hóa chất	-1.64%	0.00%	0.53%	-1.35%	9.94%	
Ô tô và phụ tùng	-0.34%	0.00%	-1.30%	-2.90%	-0.72%	
<b>Trung bình</b>	<b>-0.79%</b>	<b>0.00%</b>	<b>0.39%</b>	<b>0.87%</b>	<b>7.03%</b>	

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Xét về các ngành, BSC lấy diễn biến 3 lần SBV công bố hạ lãi suất điều hành gần đây nhất, là ngày 12/05/2020, 30/09/2020 và 14/03/2023, trong đó ngày 14/03/2023 SBV công bố hạ lãi suất tái chiết khấu 1%, còn đối với hai lần còn lại, SBV đồng loạt hạ cả lãi suất tái chiết khấu và lãi suất tái cấp vốn 0.5%.

Nhìn chung, các ngành đều có phản ứng tích cực trong ngắn hạn đối với thông tin này, và hầu hết đều tăng điểm ngay trong phiên hôm sau.

# CHUYÊN MỤC TUẦN: SBV hạ lãi suất điều hành

## 2. Nhận định về việc SBV hạ LSDH

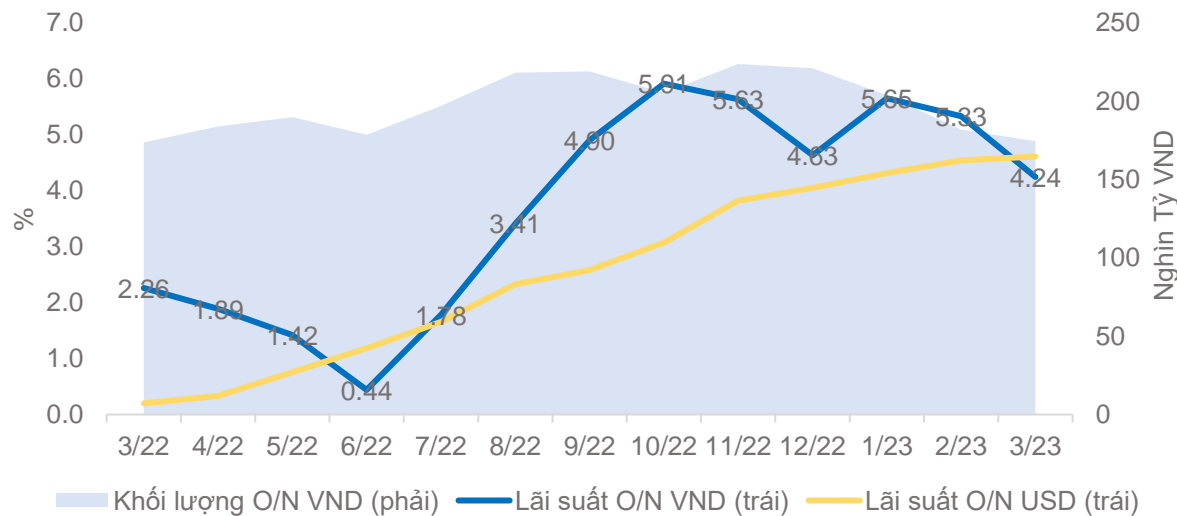
### • Lý do:

- Lạm phát tăng 3.35% YoY sau khi tạo đỉnh tháng 01 (4.89 %YoY) cho thấy dấu hiệu giá cả hàng hóa ổn định lại. Lạm phát cơ bản cũng có dấu hiệu giảm nhẹ trong quý I, báo hiệu tín hiệu tạo đỉnh của giá cả các loại hàng hóa cơ bản. Hiện tượng này tạo điều kiện cho SBV điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt và bớt thắt chặt hơn.
- Tốc độ tăng trưởng Q1.2023 chỉ đạt 3.32%, cao hơn đúng Q1.2020 và thấp hơn các quý còn lại trong giai đoạn 2011-2023. Với mục tiêu chính phủ đạt mức tăng trưởng 6% trong năm 2023 thì áp lực tăng trưởng kinh tế có thể tạo động lực cho SBV hạ lãi suất nhằm giảm mức độ thắt chặt lên tăng trưởng kinh tế.
- Tỷ giá USD/VND vẫn giữ ở mức ổn định từ khi SBV hạ lãi suất tái chiết khấu vào ngày 14/03/2022. Tính đến ngày 31/03/2023, tỷ giá USD/VND đã giảm -0.5% so với thời điểm ngày 14/03/2023.
- > Tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp và lạm phát dần ổn định lại đang là các dấu hiệu cho chính sách tiền tệ hướng về tăng trưởng kinh tế.

### • Tác động:

- **Doanh nghiệp:** Việc hạ lãi suất sẽ khiến chi phí sử dụng dòng vốn thấp và từ đó, cải thiện kết quả và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- **Người tiêu dùng:** Người dân có thể quyết định tiêu dùng nhiều hơn khi mức vay vốn ở chi phí thấp. Hiện tượng này sẽ kích thích tăng trưởng kinh tế và làm gia tăng khối lượng đơn hàng cho doanh nghiệp.
- **Dòng vốn vào thị trường tài chính:** Gia tăng khi mức lãi suất huy động không còn hấp dẫn và cơ hội đầu tư xuất hiện ở các thị trường tài chính như chứng khoán và BĐS.
- **Tỷ giá USD/VND:** Đây là yếu tố đáng lo ngại khi lãi suất qua đêm của USD và VND có mức swap âm khá lớn. Hiện tượng này thường là chỉ báo cho việc đồng USD tăng giá do mức lãi suất USD lớn hơn VND có thể sẽ dẫn đến dòng vốn ngoại hối nóng chảy ra khỏi nền kinh tế.

Đồ thị 02: Lãi suất qua đêm của USD và VND



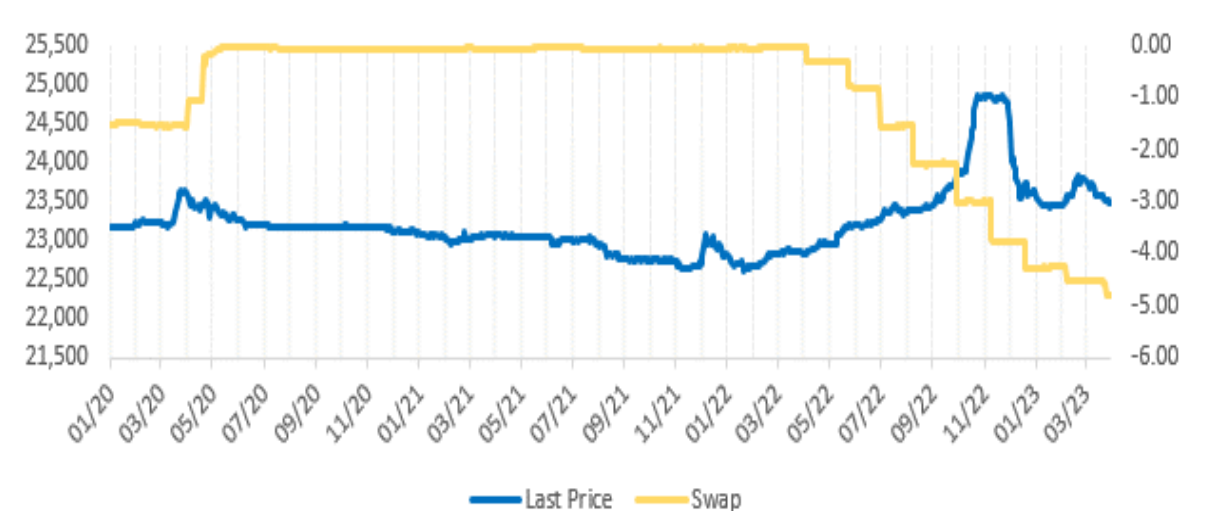
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

\*Chú thích: lãi suất qua đêm được tính bằng trung bình tháng.

### \*Báo cáo tham khảo:

- Báo cáo tuần 12: [Link](#)

Đồ thị 03: Tỷ giá USD/VND và mức Swap



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

\*Chú thích: Swap= Lãi suất qua đêm VND – Lãi suất qua đêm USD

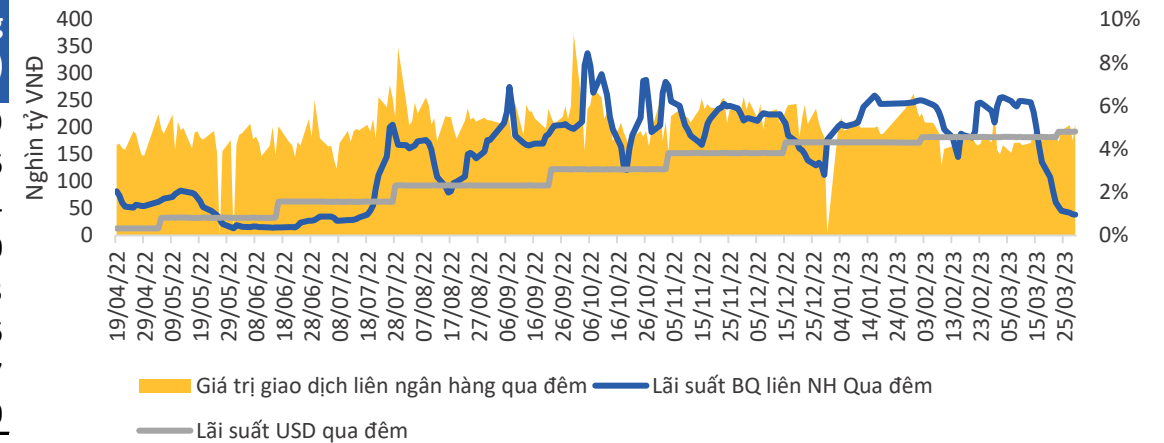
# THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

## Giao dịch tín phiếu trên OMO:

Tuần	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Giá trị hút (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm ròng (tỷ VNĐ)
Tuần 6	6/2/2023	10/2/2023	165,819.31	23,407.22	-142,412.09
Tuần 7	13/2/2023	17/2/2023	115,406.72	85,228.56	-30,178.16
Tuần 8	20/2/2023	24/2/2023	140,778.66	97,678.62	-43,100.04
Tuần 9	27/2/2023	3/3/2023	108,858.72	106,932.02	-1,926.70
Tuần 10	6/3/2023	10/3/2023	124,881.99	95,623.96	-29,258.03
Tuần 11	13/3/2023	17/3/2023	34,238.39	86,704.95	52,466.56
Tuần 12	20/3/2023	24/3/2023	2,118.67	215.50	-1,903.17
Tuần 13	27/3/2023	31/3/2023	0.00	0.00	0.00

Nguồn: BSC Research

## Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

## Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	1.00%	1.69%	2.48%	4.01%	7.38%	8.08%	9.41%
So với tuần trước	-0.76%	-0.49%	-0.34%	-0.71%	-0.09%	-0.65%	-0.28%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	195,890.67	16,838	11,749	1,809	1,454	945	2
So với tuần trước	6.57%	101.77%	55.27%	-16.35%	39.21%	177.35%	-64.29%

\* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 01/04/2023

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

**Nhận xét:** Trong tuần 13, SBV đã hút ròng 0 đồng qua OMO. Lãi suất giao dịch liên ngân hàng giảm ở tất cả các kỳ hạn.

- Lãi suất liên ngân hàng bình quân qua đêm: 1.00%
- Khối lượng giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm: 195.89 nghìn tỷ VNĐ

# PTKT VN-INDEX: Chỉ số vượt khỏi kênh giá giảm, đà tăng duy trì trong tuần tới trước áp lực chốt lãi

**Đồ thị ngày:** VN-Index duy trì chuỗi 9 phiên tăng điểm liên tiếp để vượt trên SMA50 tại 1,059 điểm. 5/6 cây nến gần đây là dạng doji, hammer trong biên độ hẹp cho thấy thị trường vẫn đang tăng điểm trong nghi ngờ. Lực cầu bắt đáy ở các vùng giá thấp, thanh khoản tăng 17% so tuần trước và giá vượt qua kênh giá giảm từ tháng 8/2022 là điểm tích cực tuần qua. Các chỉ báo kỹ thuật duy trì trên mức trung bình và chưa xuất hiện tín hiệu phân kỳ tiếp tục ủng hộ đà tăng của chỉ số.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI tăng từ 50 lên 57 điểm.
- MACD vượt trên đường tín hiệu mức 0. Thanh khoản cải thiện so tuần trước.
- VN-Index duy trì trên SMA20, SMA100 và vượt trên SMA50.

**Nhận định:** VN-Index có chuyển biến tích cực với khi vượt kênh giá giảm và mô hình tam giác để tiếp tục củng cố xu hướng hồi phục ngắn hạn. Thanh khoản của phiên breakout mô hình không quá thuyết phục và chỉ số vẫn có khả năng điều chỉnh kiểm tra lại vùng 1,055 – 1,059 điểm. Vùng giá này cũng là neckline của mô hình W mini với mức tăng kỳ vọng tại 1,090 – 1,120 điểm. Chỉ số dự báo tiếp tục tăng theo đà trong tuần tới. VN-Index vượt qua kênh giá mô hình tam giác và có khả năng kiểm tra 1,100 điểm và đây cũng là vùng giá mục tiêu của mô hình W mini trong tuần tới như trong nhận định cuối tuần trước.



Nguồn: BSC Research



# TIN VĨ MÔ: Việt Nam: GDP quý 1/2023 +3.32% YoY.

## VIỆT NAM:

- Bộ tài chính: Giải ngân vốn đầu tư công 03 tháng đầu năm 2023 ước đạt 9.69% kế hoạch.
- SBV: lấy ý kiến của tổ chức, cá nhân đối với Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 16/2021 quy định về việc TCTD mua, bán trái phiếu doanh nghiệp (TPDN).
- GSO: GDP quý 1/2023 +3.32% YoY.
- GSO: CPI tháng 3/2023 +3.35% YoY, tiếp tục xu hướng hạ nhiệt.
- GSO: Sản xuất quý 1/2023 tăng trưởng âm do kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, lạm phát các nước mặc dù hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao, đơn hàng giảm.
- GSO: Tăng trưởng tín dụng quý 1/2023 +1.61% YoY, trong khi cùng kỳ +4.03% YoY.
- Tổng cục hải quan: yêu cầu hải quan tỉnh siết chặt các quy định chống buôn lậu hàng tạm nhập tái xuất, hàng gửi kho ngoại quan.
- Khu công nghiệp Bắc Giang giảm hơn 13,000 lao động so với trước Tết. Một số doanh nghiệp đã phải giảm giờ làm, cắt giảm lượng lao động để bình ổn sản xuất trong bối cảnh đơn hàng sản xuất bị sụt giảm đầu năm.
- Vụ Thị trường châu Á – châu Phi: Trung Quốc vừa công bố cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh (Việt Nam) trở thành địa điểm đủ điều kiện nhập khẩu lương thực vào Trung Quốc.
- FTSE cảnh báo về quá trình nâng hạng thị trường của Việt Nam.

## THẾ GIỚI:

- Mỹ: Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu của Mỹ tại tuần kết thúc vào ngày 25/03/2023 ghi nhận con số 198 nghìn, cao hơn mức 196 nghìn dự kiến.
- Mỹ: Quan chức FED nhận định không có dấu hiệu nào cho thấy sự suy yếu trên thị trường lao động bất chấp CSTT thắt chặt.
- Trung Quốc: Lợi nhuận công nghiệp của giảm mạnh 22.9% trong 2 tháng đầu năm sau khi giảm 4% trong năm 2022, lý do chính đến từ cầu hàng hóa quốc tế yếu.
- Trung Quốc: Nhập khẩu than trong quý 1/2023 +81% YoY lên 65.7 triệu tấn. Các cảng than dọc theo bờ biển phía nam và phía đông chiếm hơn 45 triệu tấn trong tổng lượng nhập khẩu, cho thấy nhu cầu tăng mạnh dọc theo các hành lang sản xuất chính của đất nước.
- Eurozone: Quan chức ECB cho biết vẫn có thể tăng lãi suất hơn nữa.
- EU: chỉ số Niềm tin người tiêu dùng tháng 3/2023 đạt -19.2, giảm từ mức -19.1 điểm của tháng 2/2023.
- EU: Chỉ số Niềm tin kinh doanh tháng 3/2023 đạt 99.3 điểm so với mức dự báo 99.8 điểm.
- Úc: CPI tháng 2/2023 +6.8% YoY, thấp hơn mức +7.1% YoY dự kiến và mức +7.4% YoY của tháng 1/2023.
- Nhật: Doanh số bán lẻ tháng 2/2023 +6.6% YoY so với mức dự báo 5.8% YoY (tháng 1/2023 là +6.3% YoY).

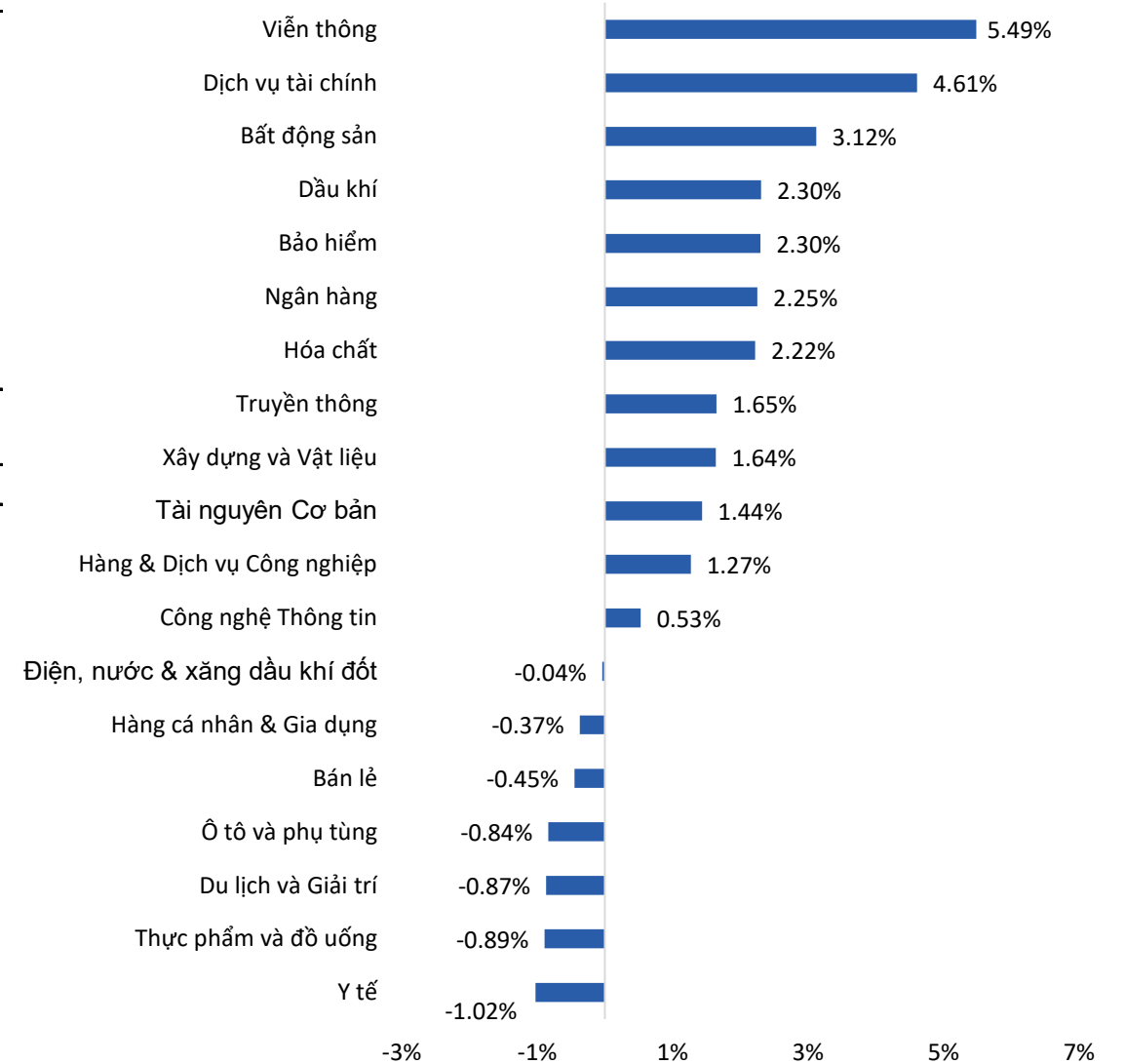
## THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Diễn biến lãi suất trên thị trường tiền tệ và giao dịch của khối ngoại
- Trọng điểm mùa ĐHCĐ, công bố dự kiến KQKD quý I
- 3/4, PMI Nhật, Thụy Sĩ, Canada, EU, Hoa Kỳ. 4/4, Lãi suất và biên bản tiền tệ NHTW Australia; Cuộc họp OPEC. 5/4, Lãi suất và biên bản chính sách tiền tệ NHTW New Zealand; PMI dịch vụ Anh, EU, Hoa Kỳ; Cán cân thương mại và dự trữ dầu Hoa Kỳ. 6/4, Tỷ lệ thất nghiệp Canada; Đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ. 7/4, Tỷ lệ thất nghiệp và thay đổi bảng lương phi nông nghiệp Hoa Kỳ.

# VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu		
Viễn thông	0.00%	5.49%	-3.85%	VGI	6.50%	
Dịch vụ tài chính	2.00%	4.61%	13.50%	SSI	5.13%	HCM 4.08%
Bất động sản	2.05%	3.12%	9.67%	VHM	5.10%	KDH 3.76%
Dầu khí	1.20%	2.30%	-0.86%	PLX	3.03%	GAS -0.39%
Bảo hiểm	1.14%	2.30%	2.12%	BVH	-0.10%	PVI 7.44%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	75.67	1.75%	9.25%	-2.78%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	79.89	1.64%	7.11%	-4.54%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USd/gal.	268.10	1.64%	4.94%	0.62%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/oz.	1,969.28	-0.56%	-0.45%	7.22%	PNJ	
Bạc	USD/oz.	24.10	0.82%	3.75%	14.80%		PNJ
Đậu tương	USd/bu.	1,505.50	2.10%	5.41%	0.75%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	692.25	0.00%	0.54%	-2.50%		AFX
Sữa	USD/cwt	18.06	-0.06%	-0.22%	1.75%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	210.00	0.43%	2.69%	-6.96%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	USd/lb.	22.25	1.32%	6.87%	8.17%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	170.50	0.41%	-4.88%	-7.11%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD/MT	8,993.00	-0.09%	0.80%	-1.18%	MSN, ACM, BGM	CAV, SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/MT	4,175.00	0.58%	1.71%	-0.55%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC
Nhôm	USD/MT	2,413.00	1.13%	3.25%	-0.76%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	909.00	1.39%	4.90%	1.17%		HPG
Than đá	USD/MT	193.00	2.93%	0.34%	-1.91%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Thép HRC	CNY/MT	625.56	0.67%	1.67%	0.23%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

# VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

## Top tăng điểm số VN-Index

Mã	% tăng	Điểm số
VCB	2.70%	2.84
VHM	5.10%	2.73
TCB	7.18%	1.67
VIC	3.19%	1.62
CTG	2.46%	0.84
BID	1.43%	0.82
HDB	6.65%	0.76
GVR	4.73%	0.70
HPG	1.96%	0.58
MBB	2.82%	0.57

**Tổng** 13.14

## Top giảm điểm số VN-Index

Mã	% giảm	Điểm số
SAB	-1.65%	-0.50
VNM	-0.80%	-0.31
GAS	-0.39%	-0.19
DGW	-13.29%	-0.18
VPB	-0.47%	-0.17
BHN	-5.68%	-0.15
VJC	-1.04%	-0.15
SSB	-0.79%	-0.13
FRT	-6.15%	-0.12
VCF	-7.01%	-0.11

**Tổng** -2.01

## Khối ngoại mua ròng

Mã	Mua ròng	SHNN
HPG	302.85	0.29
VHM	239.45	24.20
VIC	106.15	12.76
VCB	103.64	23.55
DXG	93.64	20.08
HSG	88.13	16.25
HDB	67.30	18.91
FUEVFN	55.61	
CTG	49.83	28.08
POW	46.19	7.77

**Tổng** 1,152.79

## Khối ngoại bán ròng

Mã	Mua ròng	SHNN
STB	-476.83	28.36
MSN	-151.23	30.55
DGW	-150.70	25.14
VPB	-148.15	17.63
VND	-121.81	#N/A N/A
SSI	-114.34	44.28
VNM	-109.66	55.81
GMD	-102.70	48.97
PVD	-55.67	22.95
VRE	-50.71	32.94

**Tổng** -1481.80

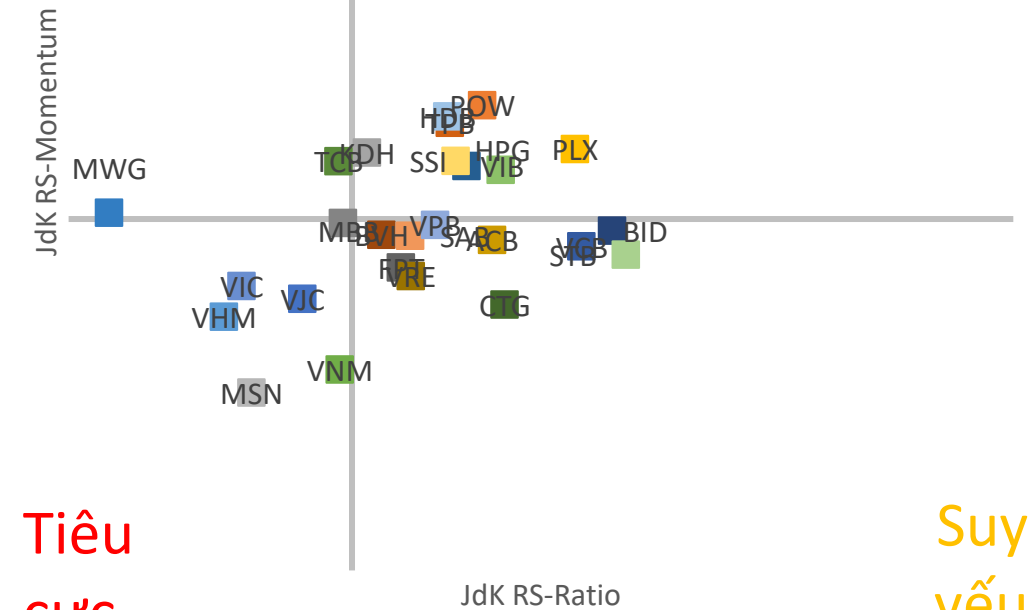
## Vận động cổ phiếu VN30

POW	106.9076	103.2311	25.71%
KDH	100.7978	101.8823	-1.25%
PLX	111.8139	101.9852	5.49%
VIB	106.0794	101.5014	5.74%
HPG	107.8909	101.3924	15.56%
TPB	105.1849	102.7345	9.49%
HDB	105.0589	102.9141	14.93%
SSI	105.5054	101.644	22.16%
PDR	50.10649	110.0119	-12.28%
NVL	35.87509	110.0021	-13.31%
MWG	87.16301	100.1748	-8.21%
TCB	99.29475	101.6391	9.25%
GVR	95.97042	104.6692	7.64%
BVH	101.5633	99.54176	1.15%
FPT	102.6056	98.6127	3.81%
VRE	103.1199	98.36675	11.51%
BID	113.7706	99.66248	12.68%
CTG	108.0955	97.56147	0.34%
SAB	103.0987	99.51839	3.38%
ACB	107.4355	99.39465	8.23%
VCB	112.1607	99.21178	5.18%
VPB	104.4098	99.8235	18.26%
STB	114.5087	98.97903	17.23%
VHM	93.23974	97.21391	7.74%
VJC	97.38731	97.71728	-3.75%
VNM	99.36458	95.70858	-7.81%
MSN	94.68843	95.05714	-19.38%
VIC	94.16456	98.08656	0.00%
MBB	99.54103	99.88155	4.89%
GAS	98.39582	99.00846	-2.39%

Hồi  
phục

CP VN30 vs. VN-Index

Tích  
cực



Tiêu  
cực

Suy  
yếu

Nguồn: Bloomberg

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

# DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	91.4	-1.40%	0.90	18,422.00	3.70	7,311.00	12.50	105,000	23.60%	<a href="#">Link</a>
BID	Ngân hàng	46.2	0.00%	1.00	9,953.00	1.30	4,208.00	10.98	54,578	17.30%	<a href="#">Link</a>
CTG	Ngân hàng	29.2	0.70%	1.30	5,976.00	2.90	-			28.10%	<a href="#">Link</a>
VPB	Ngân hàng	21	0.70%	1.20	6,018.00	20.70	-			17.60%	<a href="#">Link</a>
ACB	Ngân hàng	25	1.60%	1.10	3,596.00	6.30	4,640.00	5.39	26,000	30.00%	<a href="#">Link</a>
MBB	Ngân hàng	18.2	0.00%	1.50	3,524.00	8.20	4,603.00	3.95	24,600	23.20%	<a href="#">Link</a>
STB	Ngân hàng	26.2	0.80%	1.30	2,104.00	25.00	4,880.00	5.37	31,200	28.40%	<a href="#">Link</a>
SSI	Chứng khoán	21.5	2.60%	1.70	1,373.00	29.30				44.00%	<a href="#">Link</a>
GVR	BĐS KCN						1,217.00		19,100		<a href="#">Link</a>
HPG	Vật liệu xây dựng	20.8	0.00%	1.70	5,151.00	21.10	1,916.00	10.86	25,000	23.50%	<a href="#">Link</a>
HSG	Vật liệu xây dựng	16.1	-0.90%	2.30	410.00	17.60	1,896.00	8.49	18,500	16.30%	<a href="#">Link</a>
VHM	BĐS	51.5	3.90%	0.80	9,551.00	6.00	5,227.00	9.85	68,300	24.20%	<a href="#">Link</a>
VRE	BĐS	30	-1.20%	1.20	2,860.00	6.70	1,576.00	18.78	31,800	33.10%	<a href="#">Link</a>
NLG	BĐS	26.8	7.00%	1.50	438.00	3.40	2,557.00	10.48	38,700	44.50%	<a href="#">Link</a>
DPM	Phân bón	33.3	-1.00%	1.20	555.00	1.70	14,120.00	2.36	42,000	18.60%	<a href="#">Link</a>
GAS	Dầu khí	102	-0.40%	0.60	8,314.00	1.10	6,793.00	15.02	122,300	3.00%	<a href="#">Link</a>
PLX	Dầu khí	37.4	1.50%	1.10	2,027.00	3.90	2,625.00	14.25	42,000	17.70%	<a href="#">Link</a>
BSR	Dầu khí	15.5	1.30%	1.50	-	3.40	2,292.00	6.76	18,400	0.00%	<a href="#">Link</a>
PVS	Dầu khí	25.4	0.40%	1.20	517.00	4.10	1,340.00	18.96	31,100	20.90%	<a href="#">Link</a>
PVT	Dầu khí	20.7	-1.00%	1.20	285.00	1.40	2,929.00	7.07	24,300	18.30%	<a href="#">Link</a>
POW	Tiện ích	13.2	0.00%	1.10	1,317.00	3.50	993.00	13.29	13,000	7.80%	<a href="#">Link</a>
REE	Tiện ích	67.6	0.40%	0.90	1,023.00	0.20	7,698.00	8.78	85,000	49.00%	<a href="#">Link</a>
VNM	Tiêu dùng	74.4	-0.80%	0.50	6,622.00	3.40	3,895.00	19.10	87,600	55.80%	<a href="#">Link</a>
MSN	Tiêu dùng	77.8	-1.80%	1.20	4,718.00	4.40	2,605.00	29.87	96,000	30.50%	<a href="#">Link</a>
MWG	Bán lẻ	38.6	-0.10%	1.50	2,403.00	3.00	3,456.00	11.17	55,200	49.00%	<a href="#">Link</a>
PNJ	Bán lẻ	77.7	0.00%	0.80	1,085.00	1.30	7,475.00	10.39	95,000	49.00%	<a href="#">Link</a>
FRT	Bán lẻ	61	-1.10%	1.60	308.00	2.20	2,965.00	20.57	77,100	28.90%	<a href="#">Link</a>
VHC	Thủy sản	53.4	0.00%	1.20	417.00	0.30	12,800.00	4.17	67,500	30.60%	<a href="#">Link</a>
GMD	Logistics	51.5	0.40%	0.50	661.00	2.10	7,059.00	7.30	57,000	48.70%	<a href="#">Link</a>
FPT	Công nghệ	79.1	0.00%	0.80	3,696.00	2.30	5,901.00	13.40	91,900	49.00%	<a href="#">Link</a>

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

# KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

## **BSC Trụ sở chính**

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings  
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: +84 4 3935 2722  
Fax: +84 4 2220 0669

## **BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 8 3821 8885  
Fax: +84 8 3821 8510

## **Đối với Phân tích Nghiên cứu**

Phòng Phân tích Nghiên cứu  
[hn.ptnc@bsc.com.vn](mailto:hn.ptnc@bsc.com.vn)  
(+84) 39352722 - Ext 108

## **Đối với Khách hàng tổ chức**

Phòng TVĐT và môi giới KHTC  
[hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn](mailto:hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn)  
(+84)2439264659

## **Đối với Khách hàng cá nhân**

Trung tâm tư vấn i-Center  
[i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)  
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

# CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

## THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (\*)

Ngày sinh (\*)

CMTND/CCCD (\*)

Ngày cấp (\*)

Nơi cấp (\*)

Số điện thoại (\*)

Email (\*)

Địa chỉ liên hệ (\*)

Tỉnh/Thành phố (\*)

Quận/Huyện (\*)

Phường/Xã (\*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký